

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH CỬU  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01/3/2022.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Đức Đại.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Bình.

2. Bà Vũ Thị Hảo.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Vũ Huy Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai:** bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** bà Trần Thị D, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

**- Bị đơn:** ông Võ Thanh T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

(Bà D vắng mặt, ông T vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Võ Thanh T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 177, Quyền số 01/07, ngày 26/10/2007. Trong quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, ông T thường xuyên uống

rượu, không quan tâm chăm sóc vợ con. Hai vợ chồng từ hòa giải nhiều lần nhưng không được.

Nay bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

- Về con chung: có 04 con chung là Võ Thị D M, sinh ngày 29/4/2009; Võ Trần Tấn T1, sinh ngày 30/10/2012; Võ Trần Hồng A, sinh ngày 18/3/2019; Võ Thanh N, sinh ngày 25/8/2020. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 04 con chung. Tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn ông Võ Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cung cấp lời khai.*

*\* Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố Tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án làm việc gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông T trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

Về con chung: bà D và ông T có 04 con chung là Võ Thị D M, sinh ngày 29/4/2009; Võ Trần Tấn T1, sinh ngày 30/10/2012; Võ Trần Hồng A, sinh ngày 18/3/2019; Võ Thanh N, sinh ngày 25/8/2020. Giao cả 04 con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về T1 sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

Về án phí: đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: ông Võ Thanh T cư trú tại: ấp ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Đ, nên đơn khởi kiện của bà D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn bà D có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Bị đơn ông T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà D và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 177, Quyền số 01/07, ngày 26/10/2007 trên cơ sở tự nguyện, căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà D và ông T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà D có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông T nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông T xảy ra từ khoảng đầu năm 2012 đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, không chăm lo cuộc sống gia đình, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Giữa hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định nhưng ông T vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và không tham gia tố tụng tại phiên tòa, chứng tỏ ông T không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của mình.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và tại gia đình của ông T thì giữa bà D và ông T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân đúng như bà D đã trình bày.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông T là có thật, đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn có sự quan tâm, chăm sóc nhau, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà D, bà D được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: bà D và ông T có 04 con chung là Võ Thị D M, sinh ngày 29/4/2009; Võ Trần Tấn T1, sinh ngày 30/10/2012; Võ Trần Hồng A, sinh ngày 18/3/2019; Võ Thanh N, sinh ngày 25/8/2020. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 con chung, ông T không cung cấp ý kiến về phần này.

Xét nguyện vọng của cháu M và cháu T1 đều muốn và đồng ý ở với bà D, cháu Võ Trần Hồng A và cháu Võ Thanh N chưa đủ 36 tháng tuổi. Căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.*

Căn cứ biên bản xác minh tại chính quyền địa phương và các T1 liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện bà D hiện nay có việc làm, có thu nhập và có chỗ ở ổn định để có thể đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử xác định bà D là người đủ điều kiện nuôi dưỡng cả 04 con chung, nên chấp nhận giao 04 con chung cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con bà D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Ông T được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về T1 sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhA và gia đình sơ thẩm: bà D phải nộp 300.000 đồng được trừ vào T tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dA dA sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 89; Điều 131 của Luật Hôn nhA và Gia đình 2014; Luật Hôn nhA và Gia đình năm 2000.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của bà Trần Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị D được ly hôn ông Võ Thanh T.

- Về con chung: giao 04 con chung là cháu Võ Thị D M, sinh ngày 29/4/2009; Võ Trần Tấn T1, sinh ngày 30/10/2012; Võ Trần Hồng A, sinh ngày 18/3/2019; Võ Thanh N, sinh ngày 25/8/2020 cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về Tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: bà Trần Thị D phải nộp 300.000đ án phí hôn nhA gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số T 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006342 ngày 30/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- UBND xã X,  
huyện X, tỉnh Đ;
- VKS ND H. Vĩnh Cửu;
- THA DS H. Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Đại**